

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA SƯ PHẠM
BỘ MÔN SƯ PHẠM NGŨ VĂN**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
& CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

CỬ NHÂN SƯ PHẠM NGŨ VĂN

Cần Thơ, tháng 9 năm 2022

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH SƯ PHẠM NGŨ VĂN

I. Mô tả chương trình đào tạo

Căn cứ Quyết định số 3334/QĐ-ĐHCT ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ Văn được mô tả như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Sư phạm Ngữ Văn
Tên chương trình (tiếng Anh)	Vietnamese Linguistics and Literature Teacher Education
Mã số ngành đào tạo	7140217
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân Sư phạm Ngữ Văn
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	141 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm (tối đa 8 năm)
Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương Sinh viên học văn bằng 2 Sinh viên cao đẳng học liên thông đại học
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ qui định trong chương trình đào tạo (đạt 141 tín chỉ); điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); - Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh phải đạt từ 5.0 trở lên (theo thang điểm 10); - Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.
Vị trí việc làm	- Giáo viên tại các trường phổ thông và các cơ sở giáo dục. - Nghiên cứu viên tại các trung tâm, các viện nghiên cứu

	giáo dục.
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	- Có năng lực học tập suốt đời; có đủ kiến thức để học lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học Ngữ Văn và các ngành có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo. - Có thể thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học cấp sơ sở và tham gia đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp cao hơn trong lĩnh vực giảng dạy và giáo dục.
Tham khảo khi xây dựng chương trình đào tạo	- Kế hoạch số 1138/KH ĐHCT ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Trường Đại học Cần Thơ về điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa 48; - Luật Giáo dục Đại học (số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018); Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ Văn của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2018; Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ban hành chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông; - CTĐT Sư phạm Ngữ Văn trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, ban hành kèm theo quyết định 1503/QĐ-ĐHSP, ngày 27.8.2021. - CTĐT Sư phạm Ngữ Văn trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, ban hành kèm theo quyết định 1929/QĐ-ĐHSPHN2, ngày 22.12.2020 - Tiêu chuẩn dành cho giáo viên Ngữ văn tiếng Anh, giảng dạy học sinh trong độ tuổi từ 11 đến 18 trở lên, Hội đồng Quốc gia Mỹ, chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn nghiệp vụ sư phạm, 2014.
Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	- Trường Đại học Cần Thơ đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2018 – 2023. - Chứng nhận kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 9 năm 2022

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

2.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ Văn trình độ đại học đào tạo sinh viên trở thành giáo viên Ngữ Văn có năng lực giảng dạy, quản lý và nghiên cứu khoa học tại các trường phổ thông và các cơ sở giáo dục; có sức khỏe và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành, phục vụ tốt nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; có khả năng thích ứng với môi trường đổi mới giáo dục; có khả năng tự học và tham gia các chương trình đào tạo sau đại học trong và ngoài nước.

2.2 Mục tiêu cụ thể

a. Trang bị cho sinh viên hiểu biết cơ bản lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng an ninh, kiến thức nền tảng trong lĩnh vực văn hóa, xã hội; năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành;

b. Hình thành và phát triển năng lực chuyên môn (bao gồm năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học) cho sinh viên làm cơ sở để nghiên cứu và giảng dạy Ngữ Văn, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.

c. Hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên làm cơ sở để giảng dạy, quản lý, nghiên cứu Ngữ Văn và tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở các bậc cao hơn.

d. Hình thành cho sinh viên những phẩm chất cá nhân, phẩm chất xã hội và phẩm chất nghề nghiệp phù hợp với Chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo người học đạt được kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

3.1 Kiến thức

3.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

a. Trình bày được các kiến thức cơ bản về khoa học nói chung, đặc biệt là xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước.

b. Mô tả và minh họa được những kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh.

3.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

a. Phân tích kiến thức về khoa học giáo dục và khoa học xã hội trong nghiên cứu và giảng dạy Ngữ Văn; phân tích được quy trình thực hiện một nghiên cứu khoa học giáo dục trong chuyên ngành Ngữ Văn;

b. Phân tích các kiến thức ngôn ngữ học (tiếng Việt, Hán – Nôm, ...) và văn học (lý luận văn học, lịch sử và phê bình văn học, văn học Việt Nam và văn học nước ngoài) làm cơ sở để nghiên cứu và giảng dạy Ngữ Văn.

c. Xác định được vai trò, nhiệm vụ và tầm quan trọng của công tác chủ nhiệm lớp; vai trò của nhà trường, gia đình, xã hội trong việc giáo dục học sinh.

3.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành

a. Vận dụng hiệu quả các phương pháp, kỹ thuật dạy học, các phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giáo dục theo hướng bồi dưỡng phẩm chất và phát triển năng lực cho học sinh trong nghiên cứu và giảng dạy Ngữ Văn.

b. Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các kiến thức ngôn ngữ học và văn học trong học tập, trong nghiên cứu và giảng dạy Ngữ Văn;

c. Thực hiện được nghiên cứu khoa học về Ngữ Văn và giảng dạy Ngữ Văn.

đ. Tư vấn và hỗ trợ học sinh trong quá trình học tập và rèn luyện.

3.2 Kỹ năng

3.2.1 Kỹ năng cứng

a. Tìm kiếm, xử lý và chọn lọc các thông tin về khoa học nói chung, về ngôn ngữ học và văn học nói riêng phù hợp cho công tác học tập, nghiên cứu và giảng dạy môn Ngữ Văn;

b. Thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng bồi dưỡng phẩm chất và phát triển năng lực cho học sinh phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ Văn;

c. Thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng bồi dưỡng phẩm chất và phát triển năng lực cho học sinh phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ Văn;

3.2.2. Kỹ năng mềm

a. Sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ (tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương bậc 3 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) hiệu quả, sử dụng tiếng Việt thành thạo và chuẩn mực phục vụ mục đích nghiên cứu, giảng dạy, và giao tiếp.

b. Phát triển tư duy phản biện và năng lực sáng tạo; khả năng làm việc độc lập và hợp tác trong quá trình học tập và nghiên cứu; khả năng học tập suốt đời.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

a. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, các quy định, quy chế làm việc của ngành giáo dục, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; tham gia tích cực công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân;

b. Cầu thị, hợp tác và có tinh thần tương trợ trong quá trình học tập, nghiên cứu.

4. Tiêu chí tuyển sinh

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Cần Thơ.

5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO (2)			CHUẨN ĐẦU RA (3)													
			Kiến thức (3.1)							Kỹ năng (3.2)					Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (3.3)	
			Khối kiến thức giáo dục ĐC (3.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)			Kỹ năng cứng (3.2.1)			Kỹ năng mềm (3.2.2)		
a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	a	b		
1	2.2.a	x	x								x	x		x		
2	2.2.b				x			x					x	x		
3	2.2.c					x	x				x	x		x		
4	2.2.d													x	x	

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Học phần			Chuẩn đầu ra														
			Kiến thức (3.1)								Kỹ năng (3.2)				Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (3.3)		
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)	Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)			Kỹ năng cứng (3.2.1)			Kỹ năng mềm (3.2.2)				
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	a	b
Khối kiến thức giáo dục đại cương																	
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)		1											1	1	1
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)		1											1	1	1
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)		2											1	1	1
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)		3											1	1	1
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)		1											1		1
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	1											1			1
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	1											2			1
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	1											3			1
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	1											1			1

Học phần			Chuẩn đầu ra														
			Kiến thức (3.1)									Kỹ năng (3.2)					Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (3.3)
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)			Kỹ năng cứng (3.2.1)			Kỹ năng mềm (3.2.2)			
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	a	b
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	1											2			1
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	1											3			1
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	1											1			1
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	1											2			1
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	1											3			1
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	1											1			1
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	1											2			1
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	1											3			1
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1								1			1			1
19	TN034	TT Tin học căn bản (*)	1								1			2			1
20	ML014	Triết học Mác-Lênin	1								1				1		1
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	1								1				1		1
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1								1				1		1
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2								2				1	1	1
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2								2				1	2	1
25	KL001E	Pháp luật đại cương	1								1				1	1	1
26	SP009	Tâm lý học đại cương	1								1				1		1
27	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	1								1				1		1
28	ML007	Logic học đại cương	1								1						1
29	XH028	Xã hội học đại cương	1								1						1
30	SG102	Ngôn ngữ học đại cương	1								1				1	1	1
31	XH012	Tiếng Việt thực hành	1								1			1	1	1	1
32	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	1								1			1	1		1
33	KN001	Kỹ năng mềm	1								1				1		1
34	KN002	Đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp	1								1				1	1	1
Khối kiến thức cơ sở ngành																	
35	SP010	Tâm lý học sư phạm			2							1			1	2	2
36	SP079	Giáo dục học			1							1			1	1	1
37	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững			2							1			2	1	1
38	SG394	Giáo dục hòa nhập			1							1			1	1	1
39	Xin mã	Kĩ năng xử lý tình huống sư phạm			2								2		2	1	1

Học phần			Chuẩn đầu ra															
			Kiến thức (3.1)									Kỹ năng (3.2)					Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (3.3)	
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)			Kỹ năng cứng (3.2.1)			Kỹ năng mềm (3.2.2)				
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	a	b	
40	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục			1						1	1			1	1	1	
41	SG011E	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD&ĐT			1							1			1	1	1	
42	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông					1						2		1	1	1	
43	SP513	Nguyên lý lý luận văn học				1					1				1	1	1	
44	SG374	Tác phẩm văn học và thể loại văn học				2					2				2	2	2	
45	SP531	Tiền trình văn học				2					2				2	2	2	
46	SP529	Văn học Nga				1					1				1		1	
47	SP527	Văn học Châu Âu				1					1				1		1	
48	SG218	Văn học Châu Á				1					1				1		1	
49	SP534	Văn học Châu Mỹ				1					1				1		1	
50	SG377	Văn bản Hán văn Trung Quốc				1			1		1			1	1	1	1	
51	SG219	Văn bản Hán văn Việt Nam				2					2			2	1	1	2	
52	SG220	Văn bản chữ Nôm				2					2			2		2	2	
53	SG350	Thực tế ngoài trường Ngữ Văn			1	1					2				2	2	1	
Khối kiến thức chuyên ngành																		
54	SG420	Lý luận dạy học Ngữ Văn và Khoa học Xã hội							1				1			1		1
55	SG112	Nguyên lý dạy học Ngữ Văn							1				1			1		1
56	SG429	Phát triển chương trình giáo dục Ngữ Văn và Khoa học Xã hội							2				2		2	2	2	2
57	SG205	Thiết kế chương trình Ngữ Văn							2				2		2	2	2	2
58	SG423	Đánh giá kết quả học tập Ngữ Văn và Khoa học Xã hội							2				2		2	2	2	2
59	SG207	Đánh giá kết quả học tập Ngữ Văn							2				2		2	2	1	1
60	SG139	Phương pháp dạy học Ngữ Văn							2	2		2	2	2		2		2
61	SG208	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ Văn							2				2		2	2		2
62	SG209	Tập giảng Ngữ Văn							2	2			2	2	2	2	2	2
63	SP597	Kiểm tập sư phạm							2	2		2	2	2		2	2	2
64	SP598	Thực tập sư phạm							3	3		3	3	3	3	3	3	3
65	SG294	Ngữ âm học tiếng Việt								1		1				1	1	1
66	SG295	Từ vựng học tiếng Việt								1		1				1	1	1
67	SG296	Từ pháp học tiếng Việt								1		1	1		1			1
68	SG297	Cú pháp học tiếng Việt								2		2				2	1	1
69	SP533	Phong cách học tiếng Việt								2		2				2	1	

Học phần			Chuẩn đầu ra														
			Kiến thức (3.1)									Kỹ năng (3.2)					Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (3.3)
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)	Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)			Kỹ năng cứng (3.2.1)			Kỹ năng mềm (3.2.2)				
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	a	b
70	SG298	Ngữ dụng học tiếng Việt							2		2				2	1	1
71	SP512	Văn học dân gian Việt Nam							1		1				1		1
72	SP515	Văn học Việt Nam trung đại 1 (thế kỷ X – nửa đầu XVIII)							1		1				1		1
73	SG212	Văn học Việt Nam trung đại 2 (nửa cuối thế kỷ XVIII - nửa đầu XIX)							2		2				2	1	1
74	SG213	Văn học Việt Nam trung đại 3 (nửa cuối thế kỷ XIX)							2		2				2	2	2
75	SG214	Văn học Việt Nam hiện đại 1 (1900 - 1930)							1		1				1		1
76	SG215	Văn học Việt Nam hiện đại 2 (1930 - 1945)							1		1				1		1
77	SG216	Văn học Việt Nam hiện đại 3 (1945 - 1975)							2		2				2	2	2
78	SG436	Văn học Việt Nam hiện đại 4 (1975 - 2000)							2		2				2	2	2
79	SG454	Văn bản nghị luận và phương pháp dạy văn bản nghị luận							2			2			2		2
80	SG455	Văn bản thông tin và phương pháp dạy văn bản thông tin							2			2			2	2	2
81	XN219	Phê bình văn học Việt Nam hiện đại							2		2				2	2	2
82	SP540	Luận văn tốt nghiệp								3	3			3	3	3	3
83	SP539	Tiểu luận tốt nghiệp								3	3	3	3		3		3
84	SP536	Thơ Đường trong nhà trường phổ thông							2		2				2	2	2
85	SG299	Từ Hán Việt với việc giảng dạy Ngữ Văn ở trường THPT							2		2				2	2	2
86	SP535	Vấn đề đổi mới trong văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX							2		2				2	2	2
87	SP537	Văn xuôi quốc ngữ Nam bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX							2		2				2	2	2
88	SP596E	Văn học Đồng bằng sông Cửu Long sau 1975							2		2				2		2
89	SP538	Ý thức cá nhân trong thơ Mới							2		2				2	2	2
90	SG350	Phương ngữ học							2		2				2	2	2
91	SG437	Tổ chức dạy học chuyên đề Ngữ Văn						2	2			2	2	2	2	2	2
92	SG446	Văn học nước ngoài trong nhà trường phổ thông							2		2	2		2	2	2	2

Ghi chú: 1, 2, 3 là mức độ đóng góp của mỗi học phần trong chương trình đào tạo.

Mức độ đóng góp:

1. Giới thiệu - làm quen: Người học biết và trình bày được kiến thức một cách sơ lược; thực hiện được kỹ năng ở mức độ lặp lại được thao tác.
2. Vận dụng/Tăng cường: Người học hiểu và vận dụng được kiến thức; thực hiện được các kỹ năng ở mức độ thao tác.
3. Thông thạo: Người học vận dụng kiến thức và kỹ năng ở mức độ thông thạo

II. Mô tả chương trình dạy học

Căn cứ Quyết định số 3334/QĐ-ĐHCT ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình dạy học ngành Sư phạm Ngữ Văn được mô tả như sau:

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa : 141 tín chỉ

Khối kiến thức giáo dục đại cương : 43 tín chỉ (Bắt buộc: 28 tín chỉ; Tự chọn: 15 tín chỉ)

Khối kiến thức cơ sở ngành : 37 tín chỉ (Bắt buộc: 35 tín chỉ; Tự chọn: 2 tín chỉ)

Khối kiến thức chuyên ngành : 61 tín chỉ (Bắt buộc: 41 tín chỉ; Tự chọn: 20 tín chỉ)

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc c	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Học kỳ thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương										
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành		
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành		
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16	Bố trí theo nhóm ngành		
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành		
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	AV	10	60				I,II,III
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45			XH023	I,II,III
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45			XH024	I,II,III
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60			XH025	I,II,III
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			XH031	I,II,III
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45			XH032	I,II,III
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	PV	10	60				I,II,III
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45			FL001	I,II,III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45			FL002	I,II,III
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60			FL003	I,II,III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45			FL007	I,II,III
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45			FL008	I,II,III
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I,II,III
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	I,II,III
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I,II,III
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III
25	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III
26	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30				I,II,III
27	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2		30				I,II,III
28	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				I,II,III
29	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				I,II,III
30	SG102	Ngôn ngữ học đại cương	2			30				I,II,III
31	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				I,II,III
32	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				I,II,III
33	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20			I,II,III
34	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			I,II,III
Cộng: 43 TC (Bắt buộc 28 TC; Tự chọn: 15 TC)										
Khối kiến thức cơ sở ngành										
35	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	2		20	20	SP009		I,II,III
36	SP079	Giáo dục học	3	3		45		SP010		I,II,III
37	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2		2	30		SP079		I,II,III
38	SG394	Giáo dục hòa nhập	2			30				I,II,III

39	SG421	Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm	2			30				I,II,III	
40	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục	2	2		15	30			I,II	
41	SG011E	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD&ĐT	2	2		30				I,II,III	
42	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2	2		15	30	SP079		I,II	
43	SP513	Nguyên lý lý luận văn học	2	2		30				I,II,III	
44	SG374	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	2	2		30		SP513		I,II	
45	SP531	Tiến trình văn học	2	2		30		SG374		I,II	
46	SP529	Văn học Nga	2	2		30				I,II	
47	SP527	Văn học Châu Âu	3	3		45				I,II	
48	SG218	Văn học Châu Á	3	3		45				I,II	
49	SP534	Văn học Châu Mỹ	2	2		30				I,II	
50	SG377	Văn bản Hán văn Trung Quốc	2	2		30				I,II	
51	SG219	Văn bản Hán văn Việt Nam	2	2		30		SG377		I,II	
52	SG220	Văn bản chữ Nôm	2	2		30		SG219		I,II	
53	SG350	Thực tế ngoài trường Ngữ Văn	2	2		30	60			I,II	
Cộng: 37 TC (Bắt buộc 35 TC; Tự chọn: 2 TC)											
Khối kiến thức chuyên ngành											
54	SG420	Lý luận dạy học Ngữ Văn và Khoa học Xã hội	2		2	30				I, II	
55	SG112	Nguyên lý dạy học Ngữ Văn	2			30		SP079		I, II	
56	SG429	Phát triển chương trình giáo dục Ngữ Văn và Khoa học Xã hội	2		2	30				I, II	
57	SG205	Thiết kế chương trình Ngữ Văn	2			30				I, II	
58	SG423	Đánh giá kết quả học tập Ngữ Văn và Khoa học Xã hội	2		2	15	30			I, II	
59	SG207	Đánh giá kết quả học tập Ngữ Văn	2			15	30			I, II	
60	SG139	Phương pháp dạy học Ngữ Văn	2	2		15	30			I, II	
61	SG208	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ Văn	2	2		15	30	TN034		I, II	
62	SG209	Tập giảng Ngữ Văn	2	2			60			I, II	
63	SP597	Kiên tập sư phạm	2	2			60	SP079		I, II	
64	SP598	Thực tập sư phạm	3	3			90	SG209, SP597		I, II	
65	SG294	Ngữ âm học tiếng Việt	2	2		30				I, II	
66	SG295	Từ vựng học tiếng Việt	2	2		30		SG294		I, II	
67	SG296	Từ pháp học tiếng Việt	2	2		30		SG295		I, II	
68	SG297	Cú pháp học tiếng Việt	2	2		30		SG296		I, II	
69	SP533	Phong cách học tiếng Việt	2	2		30		SG297		I, II	
70	SG298	Ngữ dụng học tiếng Việt	2	2		30		SP533		I, II	
71	SP512	Văn học dân gian Việt Nam	3	3		45				I, II	
72	SP515	Văn học Việt Nam trung đại 1 (thế kỷ X - nửa đầu XVIII)	2	2		30				I, II	
73	SG212	Văn học Việt Nam trung đại 2 (nửa cuối thế kỷ XVIII - nửa đầu XIX)	3	3		45		SP515		I, II	
74	SG213	Văn học Việt Nam trung đại 3 (nửa cuối thế kỷ XIX)	2	2		30		SG212		I, II	
75	SG214	Văn học Việt Nam hiện đại 1 (1900 - 1930)	2	2		30		SG213		I, II	
76	SG215	Văn học Việt Nam hiện đại 2 (1930 - 1945)	2	2		30		SG214		I, II	
77	SG216	Văn học Việt Nam hiện đại 3 (1945 - 1975)	2	2		30		SG215		I, II	
78	SG436	Văn học Việt Nam hiện đại 4 (1975 – đầu thế kỉ XXI)	2	2		30			SG216	I, II	
79	SG454	Văn bản nghị luận và phương pháp dạy văn bản nghị luận	2		4		60	SG139	SG429	I, II	
80	SG455	Văn bản thông tin và phương pháp dạy văn bản thông tin	2			30		SG139	SG429	I, II	
81	XN219	Phê bình văn học Việt Nam hiện đại	2			30				I, II	
82	SP540	Luận văn tốt nghiệp - SP. Ngữ văn	10				300	≥ 105 TC		I, II	
83	SP539	Tiểu luận tốt nghiệp - SP. Ngữ văn	4		10		120	≥ 105 TC		I, II	
84	SP536	Thơ Đường trong nhà trường phổ thông	2			30			SG377	I, II	
85	SG299	Từ Hán Việt với việc giảng dạy Ngữ Văn ở trường THPT	2			30		SG220		I, II	
86	SP535	Vấn đề đổi mới trong văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX	2			30		SG213		I, II	
87	SP537	Văn xuôi quốc ngữ Nam bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX	2			30		SG214		I, II	
88	SP596E	Văn học Đồng bằng sông Cửu Long sau 1975	2			30				I, II	
89	SP538	Ý thức cá nhân trong Thơ Mới	2			30		SG215		I, II	
90	SG354	Phương ngữ học	2			30		SG298		I, II	
91	SG437	Tổ chức dạy học chuyên đề Ngữ Văn	2			30				I, II	
92	SG446	Văn học nước ngoài trong nhà trường phổ thông	2			30		SP529, SP527, SG218, SP534		I, II	
Cộng: 61 TC (Bắt buộc: 41 TC; Tự chọn: 20 TC)											
Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 104 TC; Tự chọn: 37 TC)											

3. Kế hoạch dạy học

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành
HỌC KỲ 1									
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bổ trí theo nhóm ngành	
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bổ trí theo nhóm ngành	
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16	Bổ trí theo nhóm ngành	
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bổ trí theo nhóm ngành	
5	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30			
6	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30			
7	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2		30			
CỘNG			14	14	0				
HỌC KỲ 2									
8	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45			
9	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4			60			
10	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4		4	60			
11	TC100	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1				
12	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	2		20	20	SP009	
13	SP512	Văn học dân gian Việt Nam	3	3		45			
14	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15			
15	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033
16	SG294	Ngữ âm học tiếng Việt	2	2		30			
17	SP515	Văn học Việt Nam trung đại 1 (thế kỷ X - nửa đầu XVIII)	2	2		30			
CỘNG			20	15	5				
HỌC KỲ 3									
18	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014	
19	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023	
20	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3		3	45		FL001	
21	SP513	Nguyên lý lý luận văn học	2	2		30			
22	SP079	Giáo dục học	3	3		45		SP010	
23	SG212	Văn học Việt Nam trung đại 2 (nửa cuối XVIII - nửa đầu XIX)	3	3		45		SP515	
24	SG295	Từ vựng học tiếng Việt	2	2		30		SG294	
25	TC100	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1				
26	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		
27	ML007	Logic học đại cương	2			30			
28	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
29	SG102	Ngôn ngữ học đại cương	2						
30	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			
31	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			30	20		
CỘNG			18	12	6				
HỌC KỲ 4									
33	SG112	Nguyên lý dạy học Ngữ Văn	2		2	30		SP079	
34	SG420	Lý luận dạy học Ngữ Văn & khoa học Xã hội	2			30		SP079	
35	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục	2	2		15	30		
36	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024	
37	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3		3	45		FL002	
38	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
39	SG374	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	2	2		30		SP513	
40	SG213	Văn học Việt Nam trung đại 3 (nửa cuối thế kỷ XIX)	2	2		30		SG212	
41	SP527	Văn học Châu Âu	3	3		45			
42	SG377	Văn bản Hán văn Trung Quốc	2	2		30			
43	SG296	Từ pháp học tiếng Việt	2	2		30		SG295	
CỘNG:			20	5	5				
HỌC KỲ 5									
44	SP597	Kiến tập sư phạm	2	2			60	SP079	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành
45	SG423	Đánh giá kết quả học tập Ngữ Văn & khoa học Xã hội	2		2	15	30		
46	SG207	Đánh giá kết quả học tập Ngữ Văn	2						
47	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	
48	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2	2		15	30		
49	SG139	Phương pháp dạy học Ngữ Văn	2	2		15	30		
50	SG214	Văn học Việt Nam hiện đại 1 (1900 - 1930)	2	2		30		SG213	
51	SP531	Tiến trình văn học	2	2		30		SG374	
52	SP529	Văn học Nga	2	2		30			
53	SG219	Văn bản Hán văn Việt Nam	2	2		30		SG377	
54	SG297	Củ pháp học tiếng Việt	2	2		30		SG296	
CỘNG:			20	18	2				
HỌC KỲ 6									
55	SG429	Phát triển chương trình giáo dục Ngữ Văn & khoa học Xã hội	2		2	30			
56	SG205	Thiết kế chương trình Ngữ Văn	2			30			
57	SG350	Thực tế ngoài trường Ngữ Văn	2	2			60	SG350	
58	TC100	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1				
59	SG215	Văn học Việt Nam hiện đại 2 (1930 - 1945)	2	2		30		SG214	
60	SG218	Văn học Châu Á	3	3		45			
61	SP534	Văn học Châu Mỹ	2	2		30			
62	SG220	Văn bản chữ Nôm	2	2		30		SG219	
63	SP533	Phong cách học tiếng Việt	2	2		30		SG297	
64	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019	
65	SG208	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ Văn	2	2		15	30	TN034	
CỘNG:			20	17	3				
HỌC KỲ 7									
66	SG209	Tập giảng Ngữ Văn	2	2			60	SG207	
67	SG216	Văn học Việt Nam hiện đại 3 (1945 - 1975)	2	2		30		SG215	
68	SG436	Văn học Việt Nam hiện đại 4 (1975 – đầu thế kỉ XXI)	2	2		30			SG216
69	SG455	Văn bản thông tin và phương pháp dạy văn bản thông tin	2		4	30			
70	SG454	Văn bản nghị luận và phương pháp dạy văn bản nghị luận	2			30			
71	XN219	Phê bình văn học Việt Nam hiện đại	2			30			
72	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2		2	30		SP079	
73	SG394	Giáo dục hòa nhập	2			30			
74	SG421	Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm	2						
75	SG298	Ngữ dụng học tiếng Việt	2	2		30		SP533	
76	SG011E	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD&ĐT	2	2		30			
CỘNG:			16	10	6				
HỌC KỲ 8									
77	SP598	Thực tập sư phạm	3	3			90	SG209, SP597	
78	SP540	Luận văn tốt nghiệp – SP. Ngữ Văn	10		10		300	≥05TC	
79	SP539	Tiểu luận tốt nghiệp - Ngữ Văn	4					≥105TC	
80	SP536	Thơ Đường trong nhà trường phổ thông	2						SG377
81	SG299	Từ Hán Việt với việc giảng dạy Ngữ Văn ở trường THPT	2					SG220	
82	SP535	Vấn đề đổi mới trong văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX	2					SG213	
83	SP537	Văn xuôi quốc ngữ Nam bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX	2					SG214	
84	SP596E	Văn học Đồng bằng sông Cửu Long sau 1975	2					SG217	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành
85	SP538	Ý thức cá nhân trong Thơ Mới	2					SG215	
86	SG350	Phương ngữ học	2					SG298	
87	SG354	Tổ chức dạy học chuyên đề Ngữ Văn	2						
88	SG446	Văn học nước ngoài trong nhà trường phổ thông	2					SP529, SP527, SG218, SP534	
CỘNG:			13	3	10				
Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 104 TC; Tự chọn: 37 TC)									

2. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	Được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt nam.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng ngắn, những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, Phòng chống địch tiến công bằng VKCNC, rèn luyện bản lĩnh, sức khỏe qua các nội dung quân sự, luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị (Cấp trung đội). Rèn luyện kỹ năng chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, hiệp đồng chiến đấu trong tiến công, phòng ngự.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	Giới thiệu lịch sử, truyền thống quân, binh chủng, tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, tham quan tìm hiểu các lịch sử, các đơn vị trong lực lượng vũ trang	TT. Giáo dục Quốc phòng và An ninh
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tương trưng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng kí học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng	Bộ môn Giáo dục Thể chất

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				kí vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng kí 03 học phần: Taekwondo 1(TC003),Taekwondo 2(TC004), Taekwondo 3,(TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 1 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hàng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 2 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố các em yêu thích, ẩm thực, du lịch, thời trang, tiền bạc. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 3 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về các thể loại phim ảnh, khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4	Học phần Tiếng Anh tăng cường 1 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 2 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 3 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày, như giới thiệu bản thân, gia đình, nói về thói quen, sở thích, làm quen và giới thiệu một người nào đó, nói và viết về giờ theo cách thông dụng và hành chính v.v... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, sinh viên sẽ được làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bản mẫu tự của tiếng Pháp, biết cách chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại, viết một số câu đơn giản	Khoa Ngoại ngữ
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3	Học phần tiếp tục trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng... của tiếng Pháp. Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, giải thích, nhận lời mời hay từ chối, nói về ngày làm việc của mình, nói về kế hoạch tương lai... Sinh viên được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ phức tạp hơn của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường, định vị trong không gian.v.v.. Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ, tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, giới thiệu các thành viên trong gia đình, kể lại một câu chuyện quá khứ, v.v... Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài khoá từ 100 từ trở lên, các bài hội	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ, viết thư. Sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ, phối hợp các thì ở thời quá khứ ... Sau khi học xong học phần, sinh viên cũng sẽ biết cách giải thích, biện luận đơn giản.	
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4	Nội dung học phần tiếp tục hướng tới mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như giới thiệu các thành viên trong gia đình, làm quen với một người, kể lại những hoạt động hằng ngày, miêu tả người, nơi ở; so sánh về số lượng hoặc chất lượng,... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên một lượng nội dung kiến thức phong phú, đa dạng về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, nhằm giúp sinh viên phát triển toàn diện bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết liên quan đến 6 chủ đề chính: về thói quen ăn uống, thể thao, việc làm, giáo dục, giao tiếp và giải trí.	Khoa Ngoại ngữ
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên một lượng nội dung kiến thức phong phú, đa dạng về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, nhằm giúp sinh viên phát triển toàn diện bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết liên quan đến 6 chủ đề chính về diễn đạt quan điểm khi nói: về những kỷ niệm, những chuyến du lịch, thói quen, động lực cá nhân, tường thuật lại lời nói của người khác.	Khoa Ngoại ngữ
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E- mail.	Khoa Khoa học Tự nhiên
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Khoa học Tự nhiên
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Triết học Mác – Lênin bao gồm: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, Phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức; Chủ nghĩa duy vật lịch sử: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.	Khoa Khoa học Chính trị
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của chủ thể khi tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội	Khoa Khoa học Chính trị

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào các vấn đề như: sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo, vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	Khoa Khoa học Chính trị
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng về những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	Khoa Khoa học Chính trị
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với các học phần Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, học phần tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	Khoa Khoa học Chính trị
25	KL001E	Pháp luật đại cương	2	Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành Bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...	Khoa Luật
26	SP009	Tâm lý học đại cương	2	Học phần Tâm lý học đại cương trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức về tâm lý học đại cương: Đối tượng, nhiệm vụ nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Những cơ	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý người; Bản chất hiện tượng tâm lý con người; Những cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển của tâm lý, ý thức; hoạt động nhận thức; Tình cảm; Ý chí, Nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách. Học phần này làm nền tảng cho sinh viên tiếp tục nghiên cứu các học phần cơ sở khác có liên quan như: Tâm lý học sư phạm, tâm lý học tội phạm, tâm lý học xã hội	
27	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt nam, từ các khái niệm, thuật ngữ cho đến Cấu trúc văn hoá, Loại hình văn hoá, Tiến trình văn hoá Việt Nam, Không gian văn hoá Việt Nam. Trên cơ sở đó, người học có thể tìm hiểu các bình diện từ văn hóa Việt nam như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống (cá nhân và tập thể) đến văn hóa ứng xử (với tự nhiên và xã hội) của người Việt Nam.	Khoa Sư phạm
28	ML007	Logic học đại cương	2	Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện.	Khoa Khoa học Chính trị
29	XH028	Xã hội học đại cương	2	Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
30	SG102	Ngôn ngữ học đại cương	2	Học phần Ngôn ngữ học đại cương cung cấp cho người học những tri thức cốt lõi về lý luận ngôn ngữ trên các phương diện quan yếu nhất. Học phần bao gồm 2 phần lớn với Phần A. Tổng quan về Ngôn ngữ (với Chương 1. Khái quát về ngôn ngữ; Chương 2. Bản chất và chức năng của ngôn ngữ; Chương 3. Nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ; Chương 4. Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu và Chương 5. Phân loại ngôn ngữ) và Phần B. Đại cương về các bộ phận của Ngôn ngữ học (với Chương 1. Ngữ âm học; Chương 2. Từ vựng học; Chương 3. Ngữ pháp học). Qua các nội dung trên, học phần cũng cung cấp cho người học phương pháp tiếp cận và các kỹ năng cần thiết trong việc học tập các học phần ngôn ngữ học.	Khoa Sư phạm
31	XH012	Tiếng Việt thực hành	2	Học phần được thiết kế thành 4 chương. Mỗi chương gồm hai phần chính được biên soạn đan xen vào nhau: khái quát về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào vấn đề về rèn luyện kỹ năng viết chính tả. Chương 2 tập trung rèn luyện kỹ năng dùng từ. Chương 3 rèn luyện kỹ năng về viết câu. Chương 4 tập trung rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản. Qua học phần, người học hệ thống hóa được các nguyên tắc cơ bản trong thực tế sử dụng tiếng Việt (trong tạo lập cũng như tiếp nhận văn bản), từ đó có thể sử dụng tiếng Việt chính xác và sáng tạo.	Khoa Sư phạm
32	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	Môn học Văn bản – Lưu trữ học nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp	Khoa Khoa

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.	học Xã hội và Nhân văn
33	KN001	Kỹ năng mềm	2	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học như kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp; các kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc; kỹ năng duy sáng tạo; kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng quản lý cảm xúc.	Trung tâm Tư vấn – Hỗ trợ sinh viên
34	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thế mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	Trung tâm Tư vấn, hỗ trợ và khởi nghiệp
35	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	Nội dung môn học trang bị cho người học tri thức cơ bản về các lý thuyết phát triển tâm lý học sinh, cơ sở tâm lý trong dạy học và giáo dục và những đặc trưng lao động sư phạm, cấu trúc nhân cách của người giáo viên nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở ngành sư phạm nhằm chuẩn bị cho sinh viên tham gia vào quá trình kiến tập và thực tập sư phạm và làm cơ sở cho việc rèn luyện nhân cách người giáo viên các kỹ năng sư phạm trong các học kỳ tiếp theo.	Khoa Sư phạm
36	SP079	Giáo dục học	3	Nội dung học phần bao gồm hệ thống kiến thức về chung về giáo dục con người được thể hiện cụ thể qua các nội dung như: Giáo dục học là một khoa học, giáo dục và sự phát triển nhân cách, mục đích, nhiệm vụ, các con đường và nguyên lý giáo dục; hệ thống kiến thức chung về dạy học như: Quá trình dạy học, quy luật và nguyên tắc dạy học, mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học; hệ thống kiến thức chung về giáo dục hạnh kiểm cho học sinh như: Quá trình giáo dục, nguyên tắc giáo dục, nội dung và phương pháp giáo dục.	Khoa Sư phạm
37	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2	Học phần cung cấp người học hệ thống tri thức về Giáo dục so sánh. Đồng thời cung cấp cho người học hệ thống tri thức khái quát chung về phát triển bền vững và giáo dục vì sự phát triển bền vững	Khoa Sư phạm
38	SG394	Giáo dục hòa nhập	2	Nội dung môn học trang bị cho sinh viên tri thức khái quát chung về giáo dục hòa nhập bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ của giáo dục hòa nhập, phương pháp nghiên cứu giáo dục hòa nhập, khái niệm giáo dục hòa nhập, tính tất yếu của giáo dục hòa nhập, các phương thức giáo dục trẻ khuyết tật; Phân loại học sinh khuyết tật; Dạy học hòa nhập bao gồm: Yêu cầu trong giáo dục hòa nhập, điều chỉnh trong dạy học hòa	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				nhập, thiết kế và thực hiện bài học hòa nhập, đánh giá kết quả dạy học hòa nhập; Hỗ trợ giáo dục hòa nhập bao gồm nội dung hỗ trợ giáo dục hòa nhập, lực lượng hỗ trợ giáo dục hòa nhập.	
39	SG421	Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm	2	Học phần này giúp cho sinh viên tổng hợp những kiến thức về tâm lý và giáo dục làm nền tảng để giao tiếp và ứng xử phù hợp trong các tình huống sư phạm ở nhà trường tiểu học/phổ thông. Học phần gồm 3 chương: chương 1 – Cơ sở lý luận về giao tiếp và ứng xử sư phạm; chương 2 – Một số tình huống sư phạm phổ biến và các xử lý; chương 3 – Những tình huống sư phạm đặc biệt và cách xử lý.	Khoa Sư phạm
40	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục	2	Học phần gồm có 4 chương, trang bị cho người học những khái niệm, tính chất của nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học giáo dục nói riêng, những đặc trưng của nghiên cứu khoa học giáo dục. Kết thúc học phần người học có khả năng xác định được vấn đề cần nghiên cứu, mục đích, mục tiêu, phương pháp nghiên cứu,... khoa học giáo dục. Đồng thời người học cũng có thể xây dựng một đề cương và triển khai được trình tự các bước để thực hiện thành công một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục.	Khoa Sư phạm
41	SG011E	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD&ĐT	2	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và quản lý hành chính nhà nước về giáo dục – đào tạo, giúp người học Nâng cao năng lực và cải tiến công tác quản lý hành chính Nhà nước trong nhà trường và trong hoạt động giáo dục. Môn học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nhà nước, cơ chế tổ chức và nội dung quản lý hành chính nhà nước về giáo dục, từ đó giúp người học ý thức được những chức trách, nhiệm vụ của mình trong quá trình xây dựng nền hành chính tối ưu góp phần nâng cao chất lượng và công bằng giáo dục. Môn học chú trọng đến việc hình thành các kỹ năng nhận thức và vận dụng những kiến thức vào việc bồi dưỡng nhân cách người giáo viên; đồng thời góp phần hình thành các kỹ năng về quản lý học sinh, quản lý trường học... Các kỹ năng chủ yếu được hình thành thông qua các nội dung của môn học có sự lồng ghép của giảng viên.	Khoa Sư phạm
42	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2	Nội dung học phần bao gồm hệ thống kiến thức cơ bản về công tác chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông như: Giáo viên chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông, chức năng của giáo viên chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông, nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông, nội dung và phương pháp công tác chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông; hệ thống kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động giáo dục học sinh lớp chủ nhiệm ở trung học phổ thông như: Mục tiêu tổ chức hoạt động giáo dục, nội dung và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, phương pháp và phương tiện sử dụng trong tổ chức hoạt động giáo dục, quy trình tổ chức hoạt động giáo dục, đánh giá trong tổ chức hoạt động giáo dục.	Khoa Sư phạm
43	SP513	Nguyên lý lý luận văn học	2	Nội dung của học phần Nguyên lý lý luận văn học bao gồm những kiến thức khái quát về nguồn gốc, bản chất và quy luật phát triển của văn nghệ nói chung và văn học nói riêng; các mối quan hệ của văn học với các hình thái ý thức xã hội khác, mối quan hệ giữa văn học với hiện thực cuộc sống và	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				văn hóa; đặc trưng của văn học từ đối tượng, nội dung đến phương thức thể hiện và chức năng của văn học so với các nghệ thuật khác; những hiểu biết về nhà văn với quá trình sáng tác và người đọc với quá trình tiếp nhận.	
44	SG374	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	2	Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tác phẩm và thể loại văn học. Sinh viên sẽ được tiếp cận với những yếu tố cấu thành tác phẩm, tìm hiểu chúng trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn văn học để biết vận dụng khi nghiên cứu văn học. Kiến thức về sự phân chia thể loại văn học nói chung và đặc điểm từng thể loại sẽ giúp sinh viên có cái nhìn vừa khái quát vừa cụ thể, biết dùng đặc điểm thể loại khi phân tích từng hiện tượng văn học.	Khoa Sư phạm
45	SP531	Tiến trình văn học	2	Với học phần Tiến trình văn học, SV sẽ được tiếp cận những kiến thức khái quát về tiến trình văn học của thế giới, các khái niệm công cụ như thời đại văn học, phương pháp sáng tác, trào lưu văn học, kiểu sáng tác, phong cách,... Trên cơ sở đó, người học tìm hiểu các trào lưu văn học cụ thể như chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa hiện thực phê phán, chủ nghĩa tự nhiên và các chủ nghĩa hiện đại, chủ nghĩa hiện thực thế kỉ XX, chủ nghĩa hậu hiện đại, ... Mỗi trào lưu đều được trình bày từ khái niệm, cơ sở hình thành đến các nguyên tắc sáng tác, biểu hiện qua các tác phẩm cụ thể. Các trào lưu đều được nhận thức trong mối quan hệ với nhau, giúp người học nhận thức được tiến trình văn học thế giới, trên nguyên tắc kế thừa và phủ định.	Khoa Sư phạm
46	SP529	Văn học Nga	2	Nội dung học phần có cấu trúc 8 chương, trình bày khái quát về diện mạo, tiến trình hình thành và phát triển, những đặc điểm cơ bản và thành tựu nổi bật của văn học Nga từ thế kỷ X đến cuối thế kỷ XX (chương 1). Tương ứng với hai thời kì quan trọng, nghiên cứu một số tác gia tiêu biểu của thế kỷ XIX gồm A.S. Pushkin, F.M. Dostoevsky, L. Tolstoy, A.P. Chekhov (tương ứng với các chương 2,3,4,5) và một số tác gia tiêu biểu của thế kỷ XX gồm M. Gorki, S. Esenin, M. Sholokhov (tương ứng các chương 6,7,8,9). Các chương giới thiệu các tác gia văn học giúp người học tìm hiểu về cuộc đời, sự nghiệp, nghiên cứu chuyên sâu một số tác phẩm, khái quát những vấn đề tư tưởng và đặc trưng phong cách nghệ thuật của các tác gia văn học Nga.	Khoa Sư phạm
47	SP527	Văn học Châu Âu	3	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn học châu Âu: phân kì văn học; các trào lưu, khuynh hướng sáng tác; tác giả, tác phẩm tiêu biểu ở từng thời kì...; sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để trình bày, phân tích, lí giải các vấn đề liên quan đến tác phẩm, tác giả văn học nước ngoài, đặc biệt là tác phẩm, tác giả được tuyển chọn và đưa vào giảng dạy trong chương trình giáo dục phổ thông.	Khoa Sư phạm
48	SG218	Văn học Châu Á	3	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn học châu Á: phân kì văn học; các trào lưu, khuynh hướng sáng tác; tác giả, tác phẩm tiêu biểu ở từng thời kì...; sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để trình bày, phân tích, lí giải các vấn đề liên quan đến tác phẩm, tác giả văn học châu Á, đặc biệt là tác phẩm, tác giả được tuyển chọn và đưa vào giảng dạy trong chương trình giáo dục phổ thông.	Khoa Sư phạm
49	SP534	Văn học Châu Mỹ	2	Học phần trình bày khái quát về diện mạo, tiến trình hình thành và phát triển, những đặc điểm cơ bản và thành tựu nổi	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				bật của văn học châu Mỹ (gồm văn học Hoa Kỳ và văn học Mỹ Latinh). Cấu trúc học phần gồm 2 phần: Văn học Hoa Kỳ (phần 1), Văn học Mỹ Latinh (phần 2). Mỗi phần gồm chương khái quát lịch sử văn học (tiền trình, đặc điểm, thành tựu nổi bật) và 2 chương giới thiệu các tác gia tiêu biểu.	
50	SG377	Văn bản Hán văn Trung Quốc	2	- Học phần gồm 2 chương. Chương 1 Những vấn đề cơ bản của chữ Hán. Phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết để đến với môn học như quy tắc viết chữ Hán, cấu tạo của chữ Hán, đoán bộ Thủ của chữ Hán. Đây là những kiến thức giúp người học biết viết đúng và nhớ lâu chữ Hán. Tìm hiểu cấu tạo chữ Hán còn là điều kiện để đi sâu tìm hiểu từ nguyên, từ nghĩa do văn tự Hán biểu thị, một công việc rất cần thiết để hiểu văn bản cổ. Những kiến thức về từ nguyên, từ nghĩa này sẽ giúp sinh viên hiểu và dùng chính xác những từ gốc Hán trong tiếng Việt. Chương 2 thông qua một số văn bản thơ chữ Hán tiêu biểu của văn học Trung Quốc, bằng tri thức đã học ở chương 1, thực hành minh giải văn bản Hán văn.	Khoa Sư phạm
51	SG219	Văn bản Hán văn Việt Nam	2	- Học phần gồm 2 chương. Chương 1: Vận văn, chương 2: Biền văn. Bằng kiến thức đã được học ở học phần SG377, thông qua những văn bản Hán văn tiêu biểu của văn học Việt Nam, người học sẽ tiến hành minh giải các văn bản Hán văn song song với việc tập viết, đoán bộ và tìm hiểu phương pháp cấu tạo của những chữ Hán trong văn bản đó. Qua việc minh giải các văn bản Hán văn Việt Nam, người học có điều kiện đi sâu tìm hiểu từ nguyên, từ nghĩa do văn tự Hán biểu thị, một công việc rất cần thiết để hiểu văn bản cổ. Những kiến thức về từ nguyên, từ nghĩa này sẽ giúp sinh viên hiểu và dùng chính xác những từ gốc Hán Việt trong tiếng Việt.	Khoa Sư phạm
52	SG220	Văn bản chữ Nôm	2	Nội dung học phần Văn bản Nôm cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về chữ Nôm như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm, cấu tạo, ưu khuyết điểm của chữ Nôm, chữ Nôm Nam bộ... Đồng thời, qua việc thực hành phân tích chữ Nôm và đọc văn bản, sinh viên có thể khai thác được các giá trị về nội dung cùng với những vấn đề lịch sử, văn hóa, tư tưởng trong các tác phẩm văn học chữ Nôm Việt Nam thời trung đại được tuyển giảng.	Khoa Sư phạm
53	SG350	Thực tế ngoài trường Ngữ Văn	2	Học phần Thực tế ngoài trường - Ngữ văn được thiết kế để hướng dẫn sinh viên đi thực tế ngoài trường nhằm tìm hiểu đời sống văn hóa, lịch sử, ngôn ngữ, địa lí, phong tục tập quán các vùng miền, đặc biệt ở các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên - nơi có nhiều di tích lịch sử, văn hóa, đồng thời cũng là quê hương của nhiều nhà văn, nhà thơ nổi tiếng. Qua học phần này, sinh viên hiểu biết thêm về đất nước và con người Việt Nam nhờ học tập trải nghiệm thực tế. Học phần này có ba nội dung chính: tham quan danh lam thắng cảnh; tìm hiểu di tích văn hóa, văn học và nhân vật lịch sử; tìm hiểu thực tế về phương ngữ Trung bộ.	Khoa Sư phạm
54	SG420	Lý luận dạy học Ngữ Văn và Khoa học Xã hội	2	Học phần này nhằm chuẩn bị cho sinh viên trở thành giáo viên dạy học môn Ngữ văn và Khoa học xã hội với hệ thống kiến thức cập nhật, kỹ năng và thái độ tiếp cận phù hợp về lý thuyết và thực hành dạy học hiệu quả. Nội dung của học phần gồm 4 chương, lần lượt hướng dẫn cho sinh viên về quá trình dạy học (Chương 1), lý thuyết học tập (Chương 2),	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				đặc điểm và nguyên tắc dạy học hiệu quả (Chương 3) và một số xu hướng tiếp cận trong dạy học hiện nay (Chương 4). Ngoài việc thảo luận về các vấn đề liên quan đến lý thuyết dạy học, sinh viên còn có cơ hội được vận dụng (ở mức độ ban đầu) kiến thức vừa tiếp nhận để thiết kế hướng dẫn dạy học dựa theo yêu cầu đặc thù của môn học Ngữ văn và Khoa học xã hội.	
55	SG112	Nguyên lý dạy học Ngữ Văn	2	Học phần này nhằm cập nhật cho sinh viên Sư phạm Ngữ văn về hệ thống lý thuyết và nguyên tắc đảm bảo hướng dẫn dạy học hiệu quả môn Ngữ văn. Nội dung của học phần gồm 4 chương, lần lượt hướng dẫn cho sinh viên tìm hiểu về bản chất của quá trình dạy-học theo quan điểm hiện nay (Chương 1); các lý thuyết học tập cơ bản làm nền tảng cho việc hướng dẫn và tổ chức hoạt động học (Chương 2); đặc điểm và nguyên tắc dạy học hiệu quả môn Ngữ văn (Chương 3) và một số xu hướng tiếp cận trong dạy học hiện nay (Chương 4). Ngoài việc thảo luận về lý thuyết, sinh viên bước đầu có cơ hội được vận dụng lý thuyết và nguyên tắc vừa tiếp nhận vào việc lập kế hoạch hướng dẫn dạy học môn học Ngữ văn theo yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực.	Khoa Sư phạm
56	SG429	Phát triển chương trình giáo dục Ngữ Văn và Khoa học Xã hội	2	Trong học phần này, SV sẽ được tìm hiểu về những vấn đề về chương trình, thiết kế chương trình. Cụ thể là trong chương 1, SV sẽ tìm hiểu về chương trình, cách thiết kế chương trình. Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể: nội dung, yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực. Trong chương 2, SV sẽ tìm hiểu về Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể: đặc điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, phương pháp giáo dục và kiểm tra đánh giá năng lực HS. Trong chương 3, SV sẽ tìm hiểu về Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn: đặc điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt về năng lực đọc, viết, nói và nghe, phương pháp giáo dục và kiểm tra đánh giá năng lực HS.	Khoa Sư phạm
57	SG205	Thiết kế chương trình Ngữ Văn	2	Trong học phần này, SV sẽ được tìm hiểu về những vấn đề về chương trình, thiết kế chương trình. Cụ thể là trong chương 1, SV sẽ tìm hiểu về chương trình, cách thiết kế chương trình. Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể: nội dung, yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực. Trong chương 2, SV sẽ tìm hiểu về Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể: đặc điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, phương pháp giáo dục và kiểm tra đánh giá năng lực HS. Trong chương 3, SV sẽ tìm hiểu về Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn: đặc điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt về năng lực đọc, viết, nói và nghe, phương pháp giáo dục và kiểm tra đánh giá năng lực HS.	Khoa Sư phạm
58	SG423	Đánh giá kết quả học tập Ngữ Văn và Khoa học Xã hội	2	Học phần Đánh giá kết quả học tập Ngữ văn và Khoa học Xã hội cung cấp cơ sở lý luận về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh trong quá trình dạy học ở bậc Trung học Phổ thông. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để xây dựng câu hỏi và thiết kế hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực; biết cách xây dựng tiêu chí để đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh; có thể tự lập kế hoạch chuẩn bị, tổ chức và quản lý việc đánh giá môn học của mình khi dạy học; biết cách phân tích và đánh giá câu	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				hỏi và đề kiểm tra; giáo dục các đức tính cần thiết của người giáo viên trong đánh giá như công tâm, nghiêm minh, bình đẳng, không thiên vị.	
59	SG207	Đánh giá kết quả học tập Ngữ Văn	2	Học phần Đánh giá KQHT Ngữ văn cung cấp cơ sở lý luận về kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học sinh trong quá trình dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để xây dựng câu hỏi hoặc thiết kế đề kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo Chương trình giáo dục phổ thông; biết cách xây dựng tiêu chí để đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh; có thể tự lập kế hoạch chuẩn bị, tổ chức và quản lý việc đánh giá môn học của mình khi dạy học; biết cách phân tích và đánh giá câu hỏi; rèn luyện các đức tính cần thiết của người giáo viên trong đánh giá như công tâm, nghiêm minh, bình đẳng, không thiên vị.	Khoa Sư phạm
60	SG139	Phương pháp dạy học Ngữ Văn	2	Trong học phần này, SV sẽ được tìm hiểu về những vấn đề về phương pháp dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực mà chương trình giáo dục phổ thông mới đã đề ra. Cụ thể là trong chương 1, SV sẽ tìm hiểu các đặc điểm của kế hoạch bài dạy theo định hướng phát triển năng lực. Trong chương 2, SV sẽ tìm hiểu về các phương pháp và kỹ thuật dạy học nhằm phát triển kỹ năng đọc cho học sinh. Chương 3: SV sẽ học về các phương pháp và kỹ thuật dạy viết nhằm phát triển kỹ năng viết cho học sinh.	Khoa Sư phạm
61	SG208	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ Văn	2	Học phần này được thiết kế và giảng dạy nhằm chuẩn bị cho sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn về năng lực sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) để hỗ trợ việc thiết kế và hướng dẫn học sinh phổ thông thực hiện hoạt động đọc/ viết/ nói-nghe trong môn học Ngữ văn. Bên cạnh việc giới thiệu cơ sở lý thuyết làm nền tảng cho việc ứng dụng CNTT trong dạy học Ngữ văn, học phần còn tập trung vào việc giúp sinh viên làm quen và bước đầu sử dụng một số ứng dụng CNTT phổ biến hiện nay để thực hành thiết kế hướng dẫn dạy học cho một tiết dạy môn Ngữ văn cụ thể. Sinh viên còn có cơ hội được suy nghiệm về hoạt động thiết kế vừa thực hiện để đúc kết lại những bài học khái quát có ý nghĩa cho việc ứng dụng CNTT trong tương lai.	Khoa Sư phạm
62	SG209	Tập giảng Ngữ Văn	2	Học phần Tập giảng Ngữ văn củng cố và phát triển cho SV năng lực xây dựng kế hoạch bài dạy, tổ chức các hoạt động dạy và học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực. SV được thực hành giảng dạy, dự giờ bạn cùng nhóm, tự đánh giá giờ dạy của bản thân, đánh giá giờ dạy bạn cùng nhóm.	Khoa Sư phạm
63	SP597	Kiểm tập sư phạm	2	Kiểm tập sư phạm là giai đoạn sinh viên tiếp cận với môi trường giáo dục ở trường phổ thông, mà cụ thể là quan sát, tìm hiểu các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục học sinh cũng như các hoạt động xã hội của nhà trường. Sinh viên được nghe các báo cáo tình hình, cơ cấu tổ chức và hoạt động ở trường phổ thông; kinh nghiệm công tác giảng dạy và chủ nhiệm của một số giáo viên tiêu biểu. Ngoài ra, sinh viên còn được dự giờ giáo viên hướng dẫn chuyên môn và chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, phong trào thi đua lớp, tổ chức sinh hoạt đoàn, đội,... Từ đó, bước đầu hình thành tình cảm và ý thức nghề nghiệp cho sinh viên, tích lũy kinh nghiệm chuẩn bị cho giai đoạn thực tập sư phạm. Thời	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				điểm kiến tập sư phạm thường là học kì I năm thứ ba. Hình thức kiến tập sư phạm là tập trung trong 3 tuần liên tục.	
64	SP598	Thực tập sư phạm	3	Thực tập sư phạm là giai đoạn sinh viên thực hành những kiến thức về các môn khoa học chuyên ngành, kiến thức về khoa học giáo dục đã được học ở trường đại học. Học phần thực tập sư phạm là giai đoạn sinh viên được rèn luyện, thử thách về nhiều mặt: khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức vào thực tế, năng lực sáng tạo, năng lực tổ chức, quản lí học sinh. Học phần này giúp sinh viên có cơ hội để tham gia vào các hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông, qua đó tiếp tục tăng cường tình cảm và ý thức nghề nghiệp. Thời điểm Thực tập sư phạm là học kỳ 8 năm thứ tư, bắt đầu vào đầu HK II và kéo dài 8 tuần liên tục. Hình thức sinh viên đi Thực tập sư phạm là tập trung. Sinh viên được xem là thành viên của trường phổ thông, sẽ chịu sự quản lí, phân công của trường thực tập.	Khoa Sư phạm
65	SG294	Ngữ âm học tiếng Việt	2	Học phần được thiết kế thành 6 chương. Chương 1 mang tính dẫn luận, trình bày những kiến thức nền tảng của Ngữ âm học: Khái niệm cơ bản, đối tượng, vị trí, cơ sở nghiên cứu của Ngữ âm học. Chương 2 trình bày lý thuyết cơ bản về Âm tiết (khái niệm, cấu tạo, đặc điểm, phân loại) và sự biến hóa ngữ âm. Chương 3 trình bày một số vấn đề về Âm tố và sự phân loại âm tố (về mặt cấu âm và âm học). Chương 4 trình bày các vấn đề về Âm vị như: khái niệm âm vị, biến thể âm vị và nét khu biệt. Chương 5 trình bày lý thuyết về Hệ thống âm vị tiếng Việt với các bộ phận: hệ thống âm đầu, hệ thống âm đệm, hệ thống âm chính, hệ thống âm cuối và hệ thống thanh điệu. Qua đó, người học có thể vận dụng kiến thức vào việc ghi ký hiệu ngữ âm của tiếng Việt. Cuối cùng, chương 6 trình bày những lý thuyết nền tảng về cơ sở tạo nên Hệ thống chữ viết và chính tả tiếng Việt; hiện trạng sử dụng và phát âm tiếng Việt ở các vùng miền địa phương.	Khoa Sư phạm
66	SG295	Từ vựng học tiếng Việt	2	Học phần Từ vựng học tiếng Việt cung cấp những kiến thức cơ bản về Từ vựng học cho sinh viên. Học phần được thiết kế thành 5 chương. Chương 1 mang tính chất dẫn luận, trình bày những kiến thức nền tảng của Từ vựng học: khái niệm cơ bản, đối tượng, vị trí, phương pháp nghiên cứu của Ngữ âm. Chương 2 cung cấp những kiến thức lý thuyết về các đơn vị từ vựng: quan niệm, đặc điểm và các kiểu cấu tạo của từ. Ngoài ra, chương này cũng đi vào nghiên cứu các đơn vị tương đương từ. Chương 3 tập trung làm rõ thành phần ngữ nghĩa và sự chuyển nghĩa của từ ngữ. Chương 4 cung cấp kiến thức về các hiện tượng từ vựng-ngữ nghĩa và các loại quan hệ ngữ nghĩa của từ. Cuối cùng, Chương 5 đi vào phân tích các lớp từ vựng phân theo tiêu chí phạm vi sử dụng, nguồn gốc và tần số sử dụng. Qua chương này, người học còn có thể hiểu thêm về tính đa dạng, phong phú của phương ngữ từng vùng trên đất nước.	Khoa Sư phạm
67	SG296	Từ pháp học tiếng Việt	2	Nội dung của học phần gồm 3 chương, cung cấp cho người học những tri thức cốt lõi về ngữ pháp nói chung và từ pháp học nói riêng, đặc biệt là từ pháp học tiếng Việt. Chương 1 trình bày lý thuyết chung về ngữ pháp học, như: Ngữ pháp và ngữ pháp học, các bộ phận nghiên cứu của ngữ pháp học và một số khái niệm cơ bản của ngữ pháp học.	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				Chương 2 trình bày vấn đề cấu tạo từ về mặt ngữ pháp, như: Đơn vị cấu tạo từ, phương thức cấu tạo từ và phân loại từ theo cấu tạo ngữ pháp. Chương 3 phân tích những quan niệm khác nhau về cơ sở phân định từ loại tiếng Việt và hệ thống từ loại tiếng Việt. Qua đó, chương này phân tích, miêu tả từng từ loại cụ thể theo hệ thống đã được xác lập.	
68	SG297	Cú pháp học tiếng Việt	2	Học phần cung cấp cho người học những tri thức cốt lõi về cú pháp học. Nội dung học phần được thiết kế thành 5 chương. Chương 1 trình bày những khái niệm nền tảng của cú pháp học, mối quan hệ cú pháp và các phương pháp nghiên cứu. Chương 2 giới thiệu về cụm từ và miêu tả các cụm từ cơ bản như: cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ. Chương 3 và 4 trình bày những đặc điểm cơ bản, các bình diện của câu và miêu tả cấu trúc câu tiếng Việt. Chương 5 đi vào các cách phân loại câu và nhận diện câu sai, chỉ ra nguyên nhân và cách sửa.	Khoa Sư phạm
69	SP533	Phong cách học tiếng Việt	2	Nội dung của học phần được thiết kế thành 3 chương. Chương 1 trình bày lý thuyết chung về phong cách học như: đối tượng, nhiệm vụ của phong cách học, một số khái niệm cơ bản của ngành học, vấn đề chuẩn mực ngôn ngữ, chuẩn mực phong cách và phương pháp phân tích sự biểu đạt của phong cách học. Chương 2 giới thiệu một số cách phân loại các phong cách chức năng ngôn ngữ tiếng Việt và miêu tả từng phong cách cụ thể là: Phong cách khẩu ngữ, phong cách hành chính, phong cách khoa học, phong cách báo chí, phong cách chính luận và phong cách ngôn ngữ văn chương. Chương 3 miêu tả các phương tiện và biện pháp tu từ ngữ âm, từ ngữ, cú pháp tiếng Việt.	Khoa Sư phạm
70	SG298	Ngữ dụng học tiếng Việt	2	Học phần <i>Ngữ dụng học tiếng Việt</i> bao gồm 6 chương. Chương 1 trình bày Một số vấn đề chung về NDH. Các chương còn lại (từ chương 2 đến chương 6) trình bày các vấn đề trọng tâm của học phần. Trong đó, Chương 2 trình bày lý thuyết về <i>Chiếu vật</i> ; Chương 3 là lý thuyết về <i>Hành động ngôn ngữ</i> ; Chương 4 là lý thuyết về <i>Lập luận</i> , Chương 5 là lý thuyết về <i>Hội thoại</i> , Chương 6 trình bày vấn đề <i>Ý nghĩa tường minh và ý nghĩa hàm ẩn</i> . Hệ thống lý thuyết các chương này được trình bày theo hướng từ cung cấp các khái niệm nền tảng đến các vấn đề chuyên sâu.	Khoa Sư phạm
71	SP512	Văn học dân gian Việt Nam	3	Nội dung học phần có cấu trúc gồm 2 phần. Phần 1: Văn học dân gian người Việt. Phần này bao gồm 6 chương, trình bày những kiến thức lý luận chung về văn học dân gian, về tiến trình văn học dân gian Việt Nam, giới thiệu các thể loại văn học dân gian theo các loại hình: tự sự dân gian, trữ tình dân gian, lời ăn tiếng nói dân gian, sân khấu dân gian. Phần 2: Văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam. Phần này bao gồm 5 chương, giới thiệu những nét khái quát, các thể loại tiêu biểu thuộc các loại hình của văn học dân gian các tộc người khác của dân tộc Việt Nam thống nhất.	Khoa Sư phạm
72	SP515	Văn học Việt Nam trung đại 1 (thế kỷ X - nửa đầu XVIII)	2	Nội dung HP được tổ chức trong 7 chương lần lượt giới thiệu các vấn đề chung về văn học trung đại Việt Nam (chương 1), khái quát các giai đoạn văn học từ thế kỷ X đến giữa đầu thế kỷ XVIII (chương 2, 3, 5) tìm hiểu sâu một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu như tác gia Nguyễn Trãi	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				(chương 4), tác gia Nguyễn Bình Khiêm (chương 6), tác gia Nguyễn Dữ (chương 7), tác phẩm “Bình Ngô đại cáo” (chương 4). Ở dạng bài khái quát giai đoạn văn học, bài giảng cung cấp một số vấn đề về hoàn cảnh lịch sử, đặc điểm chung và những nội dung cơ bản của giai đoạn văn học. Ở dạng bài tác gia văn học, các bài giảng cung cấp những kiến thức liên quan đến cuộc đời, sự nghiệp của tác gia đề trên cơ sở đó, khảo sát nội dung chính trong một số tác phẩm tiêu biểu của tác gia đó. Ở dạng bài tác phẩm, bài giảng cung cấp các ý kiến phân tích cụ thể về đặc điểm nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	
73	SG212	Văn học Việt Nam trung đại 2 (nửa cuối thế kỷ XVIII - nửa đầu XIX)	3	Nội dung HP được tổ chức trong 6 chương, lần lượt giới thiệu các vấn đề chung về văn học trung đại Việt Nam, khái quát các giai đoạn văn học từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến giữa đầu thế kỷ XIX. Tìm hiểu sâu một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu như tác gia Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Đặng Trần Côn, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát. Ở dạng bài khái quát giai đoạn văn học, bài giảng cung cấp một số vấn đề về hoàn cảnh lịch sử, đặc điểm chung và những nội dung cơ bản của giai đoạn văn học. Ở dạng bài tác gia văn học, các bài giảng cung cấp những kiến thức liên quan đến cuộc đời, sự nghiệp của tác gia đề trên cơ sở đó, khảo sát nội dung chính trong một số tác phẩm tiêu biểu của tác gia đó. Ở dạng bài tác phẩm, bài giảng cung cấp các ý kiến phân tích cụ thể về đặc điểm nội dung và nghệ thuật của tác phẩm	Khoa Sư phạm
74	SG213	Văn học Việt Nam trung đại 3 (nửa cuối thế kỷ XIX)	2	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức khái quát về hoàn cảnh lịch sử, tình hình văn học, khuynh hướng văn học, quan niệm sáng tác, tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX trên cơ sở định hướng với những tác giả, tác phẩm có trong chương trình phổ thông trung học. Phân tích nội dung và nghệ thuật thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến và Trần Tế Xương nhằm làm rõ những đóng góp của các tác giả đối với văn học Việt Nam giai đoạn này nói riêng và văn học Việt Nam trung đại nói chung. Từ đó, khái quát diện mạo và sự chuyển biến của văn học ở chặng cuối cùng của văn học trung đại Việt Nam.	Khoa Sư phạm
75	SG214	Văn học Việt Nam hiện đại 1 (1900 - 1930)	2	Nội dung học phần được thiết kế thành 4 chương. Chương 1, giới thiệu khái quát về văn học giai đoạn 1900-1930. Chương này trình bày những tiền đề cho sự ra đời của văn học giai đoạn 1900-1930; giới thiệu đặc trưng của văn học giai đoạn này: tính giao thời, xác định đây cũng là giai đoạn bước vào chặng đường đầu của quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam; giới thiệu các dòng văn học tiêu biểu của giai đoạn 1900-1930: Văn học yêu nước và Cách mạng, Văn học hợp pháp. Chương 2, 3 và 4 là những chương giới thiệu về 3 tác gia tiêu biểu ở giai đoạn văn học giao thời: Phan Bội Châu, Tản Đà, Hồ Biểu Chánh.	Khoa Sư phạm
76	SG215	Văn học Việt Nam hiện đại 2 (1930 - 1945)	2	Nội dung học phần đề cập một cách tổng quát đến những đặc điểm, thành tựu của văn học Việt Nam giai đoạn 1930-1945; đi sâu phân tích những khuynh hướng văn học với những tổ chức, phong trào, những tác giả tiêu biểu của những khuynh hướng văn học ấy như : nhóm Tự lực văn đoàn, phong trào Thơ mới, các nhà văn hiện thực tiêu biểu như: Vũ Trọng Phụng, Nam Cao và văn học cách mạng vô	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				sản với tác giả tiêu biểu: Hồ Chí Minh. Trong giảng dạy, người dạy sẽ vận dụng lý luận văn học so sánh để so sánh sự khác và giống nhau trong thực tế sáng tác của các tác giả thuộc những khuynh hướng văn học của giai đoạn này cũng như so sánh văn học giai đoạn này với giai đoạn văn học trước đó nhằm giúp sinh viên thấy được thành tựu cũng như những đóng góp của văn học giai đoạn 1930-1945 về phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật trên tiến trình hiện đại hóa văn học dân tộc.	
77	SG216	Văn học Việt Nam hiện đại 3 (1945 - 1975)	2	Nội dung kiến thức cơ bản của học phần được trình bày theo phần chính: - <i>Phần một</i> : Khái quát văn học Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến 1975. Đây là mảng kiến thức có tính chất văn học sử, gồm những tiểu mục được sắp xếp theo một kết cấu truyền thống: cảnh lịch sử, tình hình văn học (những thuận lợi và khó khăn với sự phát triển của văn học, những chặng đường phát triển thành tựu ở các thể loại chính), những đặc điểm cơ bản, đóng góp quan trọng đối với tiến trình văn học dân tộc. - <i>Phần hai</i> : Một số tác giả tiêu biểu thuộc các thời kỳ, khuynh hướng sáng tác, các thể hệ, các thể loại khác nhau. Ví dụ: Tố Hữu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Phạm Tiến Duật, Lê Anh Xuân; Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Nguyễn Huy Tưởng, Hoàng, Nguyễn Thi.	Khoa Sư phạm
78	SG436	Văn học Việt Nam hiện đại 4 (1975 – đầu thế kỷ XXI)	2	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về bối cảnh lịch sử - xã hội Việt từ 1975 đến nửa đầu thế kỷ XXI và những ảnh hưởng của nó đối với công cuộc đổi mới văn học cả về nội dung cũng như phương thức thể hiện. Bên cạnh đó, môn học còn hướng đến việc trình bày những kiến thức cơ bản nhất về một số tác giả tiêu biểu của văn học Việt Nam 1975 – đầu thế kỷ XXI, cụ thể là về tiểu sử và con người, quá trình sáng tác, những thành tựu tiêu biểu và các đặc điểm nổi bật về phong cách nghệ thuật của các tác giả: Nguyễn Khải, Nguyễn Minh Châu, Xuân Quỳnh, Nguyễn Duy, Lưu Quang Vũ.	
79	SG454	Văn bản nghị luận và phương pháp dạy văn bản nghị luận	2	Học phần này được thiết kế và giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành Sư phạm Ngữ văn, nhằm chuẩn bị về kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết cho việc hướng dẫn học sinh phổ thông thực hiện hoạt động tiếp nhận và tạo lập văn bản nghị luận theo yêu cầu cần đạt về năng lực của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (2018). Trong học phần này, sinh viên được tìm hiểu và thảo luận về cơ sở lý thuyết và các yếu tố quan trọng có tác động trực tiếp đến việc hướng dẫn học sinh tạo lập và tiếp nhận văn bản nghị luận. Bên cạnh đó, sinh viên có cơ hội bước đầu làm quen với việc thiết kế hướng dẫn học sinh tiếp nhận và tạo lập văn bản nghị luận; đồng thời đánh giá được hiệu quả khi sử dụng một hoặc kết hợp một số hình thức hướng dẫn cụ thể.	Khoa Sư phạm
80	SG455	Văn bản thông tin và phương pháp dạy văn bản thông tin	2	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn bản thông tin, từ khái niệm đến đặc điểm của văn bản thông tin trong sự đối sánh với văn bản nghị luận và văn bản văn học, cấu trúc của các thể loại của văn bản thông tin. Dựa trên kiến thức ấy, người học hình thành và phát triển kỹ năng đọc hiểu và tạo lập văn bản thông tin trên tinh thần hiểu được tầm quan trọng của văn bản thông tin, có trách nhiệm trong việc khai thác, sử dụng và cung cấp những thông tin chính xác, khách quan, phục vụ cho những mục	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				đích chính đáng trong học thuật và đời sống thực tiễn.	
81	XN219	Phê bình văn học Việt Nam hiện đại	2	Nội dung học phần đề cập đến những vấn đề chung về phê bình văn học như: khái niệm, đối tượng, chức năng, đặc điểm của phê bình văn học. Trên cơ sở đó, trình bày những kiến thức cơ bản về sự ra đời, quá trình phát triển của phê bình văn học Việt Nam gắn liền với một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu, những cuộc tranh luận về các hiện tượng văn học thuộc những khuynh hướng văn học khác nhau trong đời sống văn học nước nhà ở những giai đoạn khác nhau. Từ đó, rút ra những đặc điểm nổi bật của phê bình văn học Việt Nam.	Khoa Sư phạm
82	SP540	Luận văn tốt nghiệp - SP. Ngữ văn	10	Luận văn là một học phần tự chọn thuộc hệ thống đào tạo tín chỉ của chương trình Sư phạm Ngữ văn. Đây là học phần thực hành, được thiết kế để thay thế môn thi tốt nghiệp, gồm 10 tín chỉ, tương đương với 300 tiết thực hành. Thời gian hoàn thành luận văn là 26 tuần. Luận văn có độ dài tối thiểu 50 trang, tối đa 100 trang chính văn, không bao gồm tài liệu tham khảo và phụ lục. Luận văn là một công trình nghiên cứu khoa học về những kiến thức nằm trong chương trình hoặc trong thực tiễn có liên quan đến ngành học hoặc môn học. Đề tài luận văn do giảng viên gợi ý hoặc do sinh viên đề xuất nhưng không trùng lặp với các đề tài đã nghiên cứu trước đó và có thông qua các tổ chuyên ngành. Luận văn phải nêu được vấn đề, giải quyết được yêu cầu được đặt ra, trình bày kết quả nghiên cứu riêng hoặc ý kiến của người viết về vấn đề nghiên cứu. Sau khi nhận đề tài, cán bộ hướng dẫn giúp sinh viên xác định đối tượng, mục tiêu, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu. Sinh viên lập kế hoạch nghiên cứu nêu rõ các bước tiến hành và thời gian hoàn thành, có ý kiến nhận xét của cán bộ hướng dẫn. Sau khi hoàn thành luận văn, được cán bộ hướng dẫn cho phép, sinh viên sẽ bảo vệ công khai trước Hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp của bộ môn theo quy chế học vụ hiện hành.	Khoa Sư phạm
83	SP539	Tiểu luận tốt nghiệp - SP. Ngữ văn	4	Tiểu luận là một học phần tự chọn thuộc hệ thống đào tạo tín chỉ của chương trình Sư phạm Ngữ văn. Đây là học phần thực hành, được thiết kế để thay thế môn thi tốt nghiệp, gồm 04 tín chỉ, tương đương với 120 tiết thực hành. Thời gian hoàn thành tiểu luận là 14 tuần. Tiểu luận có độ dài tối thiểu 30 trang, tối đa 50 trang chính văn, không bao gồm tài liệu tham khảo và phụ lục. Tiểu luận là một công trình nghiên cứu khoa học về những kiến thức nằm trong chương trình hoặc trong thực tiễn có liên quan đến ngành học hoặc môn học. Đề tài tiểu luận do giảng viên gợi ý hoặc do sinh viên đề xuất nhưng không trùng lặp với các đề tài đã nghiên cứu trước đó và có thông qua các tổ chuyên ngành. Tiểu luận phải nêu được vấn đề, giải quyết được yêu cầu được đặt ra, trình bày kết quả nghiên cứu riêng hoặc ý kiến của người viết về vấn đề nghiên cứu. Sau khi nhận đề tài, sinh viên được cán bộ chuyên môn hướng dẫn quy trình thực hiện tiểu luận theo kế hoạch đề ra. Các bước tiến hành: tập hợp tư liệu, lập đề cương, viết bản thảo, bản chính đều thông qua cán bộ hướng dẫn nhận xét,	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				góp ý. Sau khi hoàn thành tiểu luận, được sự cho phép của cán bộ hướng dẫn, sinh viên nộp tiểu luận cho Hội đồng chấm tiểu luận của bộ môn để tổ chức đánh giá theo quy chế học vụ hiện hành.	
84	SP536	Thơ Đường trong nhà trường phổ thông	2	Học phần <i>Thơ Đường trong nhà trường phổ thông</i> cung cấp những kiến thức khái quát thơ cổ điển Trung Quốc, về thơ Đường, từ khái niệm đến đặc điểm, quy tắc cụ thể, làm cơ sở để phân tích thơ Đường qua những sáng tác có giá trị tiêu biểu, được chọn lọc giảng dạy và yêu cầu đọc hiểu mở rộng trong chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ Văn. Từ cơ sở đó, người học có thể vận dụng vào việc phân tích các sáng tác theo thể Đường luật của Việt Nam, để thấy được vẻ đẹp và giá trị của di sản thơ ca này.	Khoa Sư phạm
85	SG299	Từ Hán Việt với việc giảng dạy Ngữ Văn ở trường THPT	2	Học phần giới thiệu đến người học những kiến thức cơ bản về từ Hán Việt như: quá trình hình thành từ Hán Việt, khái niệm cách đọc Hán Việt, cấu tạo, ngữ nghĩa, khả năng hoạt động, phương pháp giải nghĩa từ Hán - Việt; nhận diện từ Hán Việt qua các tiêu chí... cùng một số vấn đề lý luận về tiếp xúc ngôn ngữ và tiếp xúc ngôn ngữ Việt - Hán; kết quả của quá trình tiếp xúc ngôn ngữ Việt Hán, những vấn đề có liên quan đến cơ sở ngữ văn, văn hoá, tiếng Việt. Thông qua học phần, người học sẽ hiểu được phần nào thực trạng hiểu và sử dụng từ Hán Việt của học sinh trong quá trình học môn ngữ văn bậc THPT. Từ đó có thể rút ra được cách khắc phục để giúp học sinh học tốt hơn môn học này cũng như có thể sử dụng đúng và hiểu đúng những từ Hán Việt trong cuộc sống hàng ngày, góp phần truyền lửa và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong thời đại công nghệ 4.0. Học phần hướng dẫn người học khai thác và phát huy một cách tốt đẹp di sản ngôn ngữ - văn hóa qua một số tác phẩm văn học trung đại Việt Nam trong chương trình THPT. Giải thích về mặt ngữ nghĩa, mở rộng vốn từ Hán Việt, cách phân biệt những từ Hán Việt đồng âm khác nghĩa, so sánh với một số bản dịch nghĩa, dịch thơ có trong SGK để làm ví dụ minh họa. Qua đó, giúp người học hiểu hơn được tầm quan trọng trong việc giảng dạy từ Hán Việt cho học sinh để học sinh tự cảm thụ được các tác phẩm văn học.	Khoa Sư phạm
86	SP535	Vấn đề đổi mới trong văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX	2	Học phần bao gồm những kiến thức khái quát về lịch sử, xã hội, thời đại, tác giả, tác phẩm, diễn biến, đặc điểm của các giai đoạn văn học trung đại từ thế kỉ X đến cuối thế kỷ XIX. Lí giải những nhân tố có tính chất bước ngoặt, những vấn đề có ý nghĩa quyết định đến sự thay đổi diện mạo của văn học nửa cuối thế kỉ XIX trong mối tương quan với các giai đoạn trước về các phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật. Phân tích sự đổi mới về đề tài, chủ đề, quan niệm, đối tượng, ngôn ngữ, thể loại, phương pháp sáng tác, thời gian và không gian nghệ thuật... để làm nổi bật đóng góp của văn học giai đoạn này trong tiến trình phát triển của văn học dân tộc, đánh dấu bước chuyển mình của văn học nửa cuối thế kỉ XIX sang phạm trù hiện đại.	Khoa Sư phạm
87	SP537	Văn xuôi quốc ngữ Nam bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX	2	Nội dung học phần gồm có 5 chương. Chương 1: <i>Những tiền đề cho sự hình thành và phát triển của văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX</i> . Chương này sẽ trình bày các vấn đề cụ thể như: Điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				lịch sử xã hội Nam Bộ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, cơ sở văn hóa tư tưởng của Nam Bộ thời bấy giờ. Chương 2: <i>Quá trình hình thành và phát triển của văn xuôi Quốc ngữ Nam Bộ cuối thế kỉ XIX- đầu thế kỉ XX</i>. Chương 3: <i>Các thể loại tiêu biểu của văn xuôi Quốc ngữ Nam Bộ ở cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX</i>. Học phần sẽ bàn đến hai thể loại tiêu biểu: tiểu thuyết và truyện ngắn. Chương 4: <i>Cảm hứng chủ đạo của văn xuôi Quốc ngữ Nam Bộ</i>. Học phần sẽ đề cập đến 4 cảm hứng nổi bật: Cảm hứng yêu nước, cảm hứng thế sự, cảm hứng đạo lí, cảm hứng lãng mạn. Chương 5: <i>Một số tác giả tiêu biểu</i>. Những tác giả được giới thiệu trong chương này gồm có: Hồ Biểu Chánh, Lê Hoàng Mưu, Trần Thiên Trung, Tân Dân Tử, Nguyễn Chánh Sắt, Trần Quang Nghiệp, Sơn Vương.	
88	SP596E	Văn học Đồng bằng sông Cửu Long sau 1975	2	Nội dung kiến thức cơ bản của học phần được trình bày theo 2 phần chính: - <i>Phần một</i>: Khái quát văn học ĐBSCL sau 1975. Đây là mảng kiến thức có tính chất văn học sử, gồm những tiểu mục được sắp xếp theo một kết cấu có tính truyền thống: bối cảnh lịch sử, tình hình văn học (<i>những thuận lợi và khó khăn đối với sự phát triển của văn học, những chặng đường phát triển, lực lượng sáng tác, thành tựu ở các thể loại chính</i>), những đặc điểm cơ bản, đóng góp quan trọng đối với tiến trình văn học dân tộc. - <i>Phần hai</i>: Một số tác gia tiêu biểu thuộc các thời kỳ, các khuynh hướng sáng tác, các thể hệ, các thể loại khác nhau; tập trung vào các tác gia cụ thể sau đây: Lê Chí, Song Hào, Đinh Thị Thu Vân, Kim Ba, Trang Thế Hy, Nguyễn Thanh, Dạ Ngân, Nguyễn Ngọc Tư, Muồng Mán, Trịnh Bửu Hoài, Võ Đắc Danh.	Khoa Sư phạm
89	SP538	Ý thức cá nhân trong Thơ Mới	2	Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ý thức cá nhân được thể hiện ở phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật trong thơ của các nhà thơ Mới tiêu biểu trong phong trào thơ Mới (1932-1945) . Từ đó, sinh viên tự trang bị cách tiếp cận cho bản thân để có thể lý giải một cách cặn kẽ và sâu sắc về sự đa dạng và phong phú trong phong cách thể hiện cái “tôi” của các nhà thơ Mới mà sự đa dạng ấy đã góp phần làm giàu thêm hương sắc cho vườn hoa thơ ca của dân tộc trong thời đại mới.	Khoa Sư phạm
90	SG354	Phương ngữ học	2	Nội dung của học phần được thiết kế thành 3 chương. Chương 1 trình bày lí thuyết chung về phương ngữ học như: khái niệm, đối tượng, vấn đề phân vùng phương ngữ, mối quan hệ giữa phương ngữ với ngôn ngữ toàn dân và phương pháp nghiên cứu phương ngữ học. Chương 2 giới thiệu hệ thống ngữ âm trong các vùng phương ngữ lớn của tiếng Việt. Chương 3 trình bày việc xác định từ địa phương, chức năng của từ địa phương trong hoạt động giao tiếp xã hội và sáng tác văn chương, từ địa phương và vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt	Khoa Sư phạm
91	SG437	Tổ chức dạy học chuyên đề Ngữ Văn	2	Học phần <i>Tổ chức dạy học chuyên đề Ngữ văn</i> củng cố và phát triển cho SV năng lực xây dựng kế hoạch dạy học chuyên đề Ngữ văn ở bậc Trung học phổ thông. Sinh viên được nghiên cứu các kiến thức về dạy học phát triển năng lực và dạy học chuyên đề; đồng thời biết cách thiết kế và tổ	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				chức chuyên đề dạy học cũng như đánh giá sản phẩm học tập của học sinh qua chuyên đề.	
92	SG446	Văn học nước ngoài trong nhà trường phổ thông	2	Học phần văn học nước ngoài trong nhà trường phổ thông giúp sinh viên hệ thống hóa kiến thức các học phần văn học nước ngoài (Văn học châu Á, Văn học châu Âu, Văn học Nga, Văn học Mỹ Latin); cung cấp kiến thức chuyên sâu về tác giả, tác phẩm tiêu biểu được tuyển chọn giảng dạy trong chương trình Ngữ văn phổ thông; hướng dẫn người học tinh lọc nội dung kiến thức và định hướng thiết kế kế hoạch dạy học tác phẩm văn học nước ngoài theo đặc trưng thể loại và định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của người học.	Khoa Sư phạm

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

5. Phương pháp giảng dạy và học tập

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của môn học, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá và khả năng kiến tạo kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào nội dung từng học phần, giảng viên có thể sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau. Các hình thức tổ chức dạy học bao gồm hình thức dạy trực tiếp trên lớp học hoặc dạy học trực tuyến. Các phương pháp dạy học bao gồm: phương pháp diễn giảng, thuyết trình, thảo luận nhóm, đàm thoại gợi mở, trải nghiệm thực tế, dạy học thông qua dự án, nghiên cứu tình huống, giải quyết vấn đề, phương pháp tra cứu, minh họa thực hành, trò chơi học tập, đóng vai/sân khấu hóa,..., được sử dụng độc lập hoặc kết hợp với nhau.

6. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá được lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học, đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà học phần và chương trình đào tạo mong muốn người học đạt được. Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt quá trình đào tạo) và đánh giá định kỳ chia làm hai lần: đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, hình vẽ, sơ đồ, bài viết, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, luận văn/tiểu luận tốt nghiệp, ...

Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

7. Cán bộ liên lạc của CTĐT:

Họ và tên: Ths. Nguyễn Thụy Thùy Dương

Điện thoại: 0976998335

Thư điện tử: nttduong@ctu.edu.vn

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA**



Cần Thơ, ngày 15 tháng 9 năm 2022
TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Thị Hồng Hạnh